**Mẫu Đề cương chi tiết học phần dành cho các học phần lý thuyết**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 444/QĐ-ĐHYTCC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y tế công cộng)*



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Dành cho các học phần lý thuyết

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN
2. Tên học phần: *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]*
	* Tiếng Việt:
	* Tiếng Anh:
3. Mã số : *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]*
4. Đối tượng: *[ghi rõ Tiến sỹ/CKII/Thạc sỹ/CKI/Cử nhân]*
5. Ngành: *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]*
6. Loại học phần : *[ghi rõ bắt buộc/tự chọn]*
7. Năm học*:[ghi năm học tổ chức lớp học phần, ví dụ: Năm học 2021-2022]*
8. **Số tín chỉ** *[ghi theo Quyết định ban hành chương trình đào tạo]*
	1. Tổng số tín chỉ:
	2. Số tín chỉ lý thuyết:
	3. Số tín chỉ thực hành:
9. Mô tả học phần *[tham khảo phần mô tả học phần trong bản mô tả chương trình đào tạo, nêu tóm tắt khoảng 3-5 câu gồm các thông tin sau: là học phần bắt buộc hay tự chọn, thuộc khối kiến thức nào trong CTĐT, nêu khái quát các kiến thức, kỹ năng và (hoặc) năng lực tự chủ và trách nhiệm mà người học đạt được sau khi học xong học phần này]*
10. Quan hệ với các học phần khác trong chương trình
* Học phần tiên quyết: *[ghi rõ tên các học phần bắt buộc phải hoàn thành trước khi học học phần này]*
* Học phần trước: *[Ghi rõ tên môn/các học phần học trước học phần này, có thể bao gồm cả các học phần đã học nhưng chưa thi, đã học nhưng chưa hoàn thành]*
* Môn song hành: *[Ghi rõ tên môn/các học phần đăng ký học học trước hoặc học đồng thời với học phần]*
1. Liên thông với các chương trình đào tạo khác: *[Ghi rõ các mức liên thông: Liên thông hoàn toàn/ Liên thông có ĐK/ Liên thông một phần/ Không liên thông]*
2. Mục tiêu của học phần: *[Viết dưới dạng mục tiêu chung, khái quát về kiến thức, kỹ năng và (hoặc) thái độ mà người học sẽ đạt được sau khi hoàn thành học phần]*
3. Chuẩn đầu ra học phần: *[tối đa 5 chuẩn đầu ra]*

| **Nhóm CĐR** | **Mã CĐR** | **Nội dung** | **Tương quan với CĐR của CTĐT** *[chi tiết đến mức tiêu chí PLO#.#]* |
| --- | --- | --- | --- |
| **[1]** | **[2]** | **[3]** | **[4]** |
| Kiến thức | CLO1 | … | PLO1.1 |
| CLO2 | … | PLO1.2 |
| … |  |  |
| Kỹ năng | CLO3 | … | PLO2.1 |
| … | … | … |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | CLO# | … | … |
| … | … | … |

1. Nội dung học phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **CĐR học phần** | **Thời gian\*** |
| **Lý thuyết \*\*** | **Thực hành** | **Tự học** |
| **Giảng trực tiếp hoặc trực tuyến (thời gian thực – synchronous)** | **Học tập trên diễn đàn (asynchronous)** | **Tại phòng thực hành, thí nghiệm tại trường** | **Tại bệnh viện/cơ sở thực hành** |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** *\*Ghi số giờ thực tế, không ghi số giờ quy đổi*

 *\*\* Giờ hướng dẫn SBL, thảo luận, đóng vai trên lớp, được tính tương đương giờ giảng lý thuyết*

 *- Một giờ chuẩn tương đương với 50 phút giảng lý thuyết*

 *- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của nguời học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 15 giờ giảng (bao gồm cả thảo luận, thực hành đóng vai trên lớp), hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm tại phòng lab (bao gồm cả phòng thực hành dinh dưỡng). Với thực hành, thực tập tại cơ sở (bao gồm cả bệnh viện): 1 tín chỉ yêu cầu giảng dạy 45 giờ.*

1. Điều kiện tổ chức thực hành (nếu có) (đối với các học phần có cấu phần thực hành tại phòng thực hành của Trường)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên thiết bị/hoá chất/vật tư | Đơn vị tính | Số lượng | Phục vụ nội dung thực hành |
|  | Trang thiết bị |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
|  | Vật tư, hoá chất |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |

1. Các tài liệu học tập/tham khảo

**Tài liệu phải đọc:**

**…**

**Tài liệu nên đọc:**

**…**

#### Một số trang Web hữu ích:

…

*[Lưu ý: Đối với tài liệu phải đọc: ghi tối đa 3 tài liệu, đối với tài liệu nên đọc: ghi tối đa 5 tài liệu. Các tài liệu xếp theo thứ tự ABC, tài liệu tiếng Việt ghi trước, tiếng Anh ghi sau. Nếu là các bài báo cần cập nhật trong vòng 5 năm tính đến thời điểm tổ chức giảng dạy lớp học phần.]*

1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên bài học:** | *[ghi theo Đề cương học phần]* |
| **2. Thời gian:** | *[ghi rõ số giờ của bài học]* |
| **3. Chuẩn đầu ra:** | **Sau khi hoàn thành bài học này, người học có thể:** **LLO1:****LLO2:****…***[ghi rõ năng lực của người học sau khi hoàn thành bài học]* |

**4. Các hoạt động dạy-học:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra bài học****(LLO)**  | **Nội dung**  | **Hoạt động dạy – học** | **Thời gian (số giờ thực tế)** | **Phương tiện/vật tư/hoá chất cần cho hoạt động dạy-học** *(nếu có)* | **Đánh giá**  |
| *[ghi rõ năng lực của người học sau khi hoàn thành bài học]* | *[ghi rõ nội dung dạy-học cần thiết để đạt chuẩn đầu ra. Có thể có nhiều nội dung cho một chuẩn đầu ra]* | *[ghi rõ hoạt động giảng dạy tương ứng với từng nội dung, bao gồm cả nội dung tự học]* |  |  | *[ghi rõ phương pháp lượng giá tương ứng với từng nội dung]* |

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Các tài liệu học tập/tham khảo bắt buộc và tài liệu gợi ý tham khảo:**  | **Tài liệu phải đọc:** ………**Tài liệu nên đọc:** ………..*[bao gồm tài liệu phải đọc và tài liệu nên đọc thuộc danh mục tài liệu trong đề cương học phần. Tài liệu học tập của bài học cần ghi rõ phạm vi đọc, tham khảo trong từng tài liệu.]* |

*Hà Nội, ngày / / 20*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỞNG KHOA***(ký tên, ghi rõ họ và tên)* | **TRƯỞNG BỘ MÔN***(ký tên, ghi rõ họ và tên)* | **ĐIỀU PHỐI** **HỌC PHẦN***(ký tên, ghi rõ họ và tên)* |